TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA PHÚC THẨM
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 532/2025/HS-PT
Ngày: 27 - 10 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Toàn

Các Thẩm phán: Ông Cao Văn Tám

Bà Bùi Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Vi Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự (trực tuyến) thụ lý số 148/2025/TLPT-HS ngày 14 tháng 8 năm 2025 đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Minh L, do có kháng cáo của bị cáo và bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2025/HS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- *Các bị cáo kháng cáo*:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn T (Tên gọi khác: Lưu B), sinh ngày 09/10/1996, tại tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú: Ấp T, xã L, thành phố G, tỉnh Tiền Giang (Nay là: Ấp T, phường G, tỉnh Đồng Tháp); Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 06/12; Cha: Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1977 (đã chết); Mẹ: Dương Thị P (đã chết); Vợ: Phạm Thị Cẩm T1, có 03 người con; Tiền án, Tiền sự: Không.

Đặc điểm bản thân:

- Từ nhỏ sống cùng gia đình tại ấp T, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang, học đến lớp 3 thì nghỉ học phụ giúp gia đình, sau có vợ ở riêng.

- Ngày 14/7/ 2015, Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", bị cáo đã chấp hành xong.

- Năm 2013, Ủy ban nhân dân thị xã G Quyết định số 65/QĐ-BUND ngày 29/3/2013 về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Trường G, đã chấp hành xong.

- Năm 2017, Tòa án nhân dân thị xã Gò Công Quyết định số 24/2017/QĐ-TA ngày 29/9/2017 về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đã chấp hành xong.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/3/2024 (có mặt);

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T theo yêu cầu của Tòa án: Luật sư Đoàn Trọng N thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

2. Họ và tên: Nguyễn Minh L, sinh ngày 13/8/2001, tại tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang (Nay là: Ấp B, xã P, tỉnh Đồng Tháp); Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Cha: Nguyễn Văn L1; Mẹ: Nguyễn Thị T2; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, Tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/12/2024 (có mặt);

- *Bị hại có kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1973 (xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang (Nay là: Ấp B, xã P, tỉnh Đồng Tháp).

(Những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 03/02/2023, Nguyễn Văn T, sinh ngày 09/10/1996, nhờ Nguyễn Ngọc T3, sinh năm 2000, cư trú ấp G, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang (T3 là bạn của T) điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Vario biển số 63B6-49011 chở T đến nhà Nguyễn Văn L1, sinh năm 1970 và Nguyễn Thị T2, sinh năm 1973, cùng cư trú ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang (T2 là vợ của L1) để tìm Nguyễn Minh L, sinh ngày 13/8/2001 (L là con ruột của L1 và T2). Đến nơi T đi vào nhà gặp ông L1, bà T2 nói L đánh bạc thua 810.000.000 đồng có viết giấy nợ, kêu ông L1 bà T2 nói L trả tiền cho T, ông L1 trả lời tự đi tìm L giải quyết. T chửi ông L1 và bà T2 rồi ra xe mô tô mở cốp lấy 01 khẩu súng đựng trong túi xách đi vào sân nhà ông L1 chỉ lên trời, mục đích trấn áp tinh thần làm cho ông L1, bà T2 sợ kêu L về trả tiền cho T.

Sau đó, T tiếp tục đến nhà ông L1 bà T2 nhiều lần yêu cầu trả tiền cho T hoặc kêu L về trả nợ. Do lo sợ T gây tổn hại đến L, đến ông L1, bà T2 nên ông L1, bà T2 chuyển nhượng 1.000m^2 đất chuyên trồng lúa nước tọa lạc tại ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang của ông L1, bà T2 cho T để cấn trừ số tiền 810.000.000 đồng mà L nợ đánh bạc.

Ngày 28/3/2024, bà Nguyễn Thị T2 làm đơn tố cáo Nguyễn Văn T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn T thừa nhận số tiền Nguyễn Minh L nợ là do L đánh bạc thua T, cụ thể:

Ngày 25/01/2023, Nguyễn Văn T đến nhà Nguyễn Văn L2 (9 Liền), sinh năm 1978, cư trú ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang, thấy Nguyễn Minh L, Phan Văn L3, sinh năm 2004, cư trú ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang, cùng 01 người không rõ họ tên đánh bạc hình thức lắc bầu cua thắng thua bằng tiền, mỗi ván cược từ 20.000 đồng đến 500.000 đồng nên T vào tham gia đánh bạc, L3 thua hết tiền nên nghỉ. Lúc này T tiếp tục đánh bạc với L hình thức lắc bầu cua, mỗi ván từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng, ván cuối là 20.000.000 đồng, mỗi ván T ăn cược thì ghi L nợ, T thua thì trừ nợ, thời gian đánh bạc khoảng 60 phút đánh bạc L thua T số tiền là 810.000.000 đồng, do L không có tiền trả nên T lập hợp đồng vay nợ, bên vay Nguyễn Minh L, số tiền 810.000.000 đồng, thời hạn vay từ 25/01/2023 đến 25/3/2025.

Ngoài ra, từ ngày 19/01/2023 đến 25/01/2023, T cùng với L đánh bạc với Nguyễn Văn L1 (cha ruột L), cùng nhiều người khác không rõ họ tên, địa chỉ tại nhà Lê Văn C, sinh năm 1979, cư trú cùng ấp với L, với hình thức lắc bầu cua, mỗi ván cược từ 20.000 đồng đến 500.000 đồng.

Kết luận giám định số 443/KL-KTHS (Đ2) ngày 08/4/2024 của Phòng K Công an tỉnh T, kết luận: Khẩu súng gửi giám định ký hiệu A là súng bắn vòng đạn pháo để gây tiếng nổ và thuộc đồ chơi nguy hiểm, không phải vũ khí quân dụng, vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ.

Kết luận định giá tài sản số 411/KL-HĐĐGTS ngày 27/3/2025 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự tỉnh Tiền Giang, Kết luận: Quyền sử dụng đất chuyên trồng lúa nước của thửa đất số 345, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang, diện tích 1.000m2 thời điểm định giá vào tháng 6/2023 có giá 286.720.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 15/CT-VKSTG-P2 ngày 16/4/2025, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang (nay Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp) là truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Cưỡng đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 170 và tội "Đánh bạc" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Minh L về tội "Đánh bạc" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm 18/2025/HS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Tuyên bố Nguyễn Văn T phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản" và tội "Đánh bạc"; bị cáo Nguyễn Minh L phạm tội "Đánh bạc"

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 170 và điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50; Điều 55 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 13 (mười ba) năm tù về tội Cưỡng đoạt tài sản và 04 (bốn) năm tù về tội Đánh bạc. Tổng hợp hình phạt bị cáo T phải chấp hành là 17 (mười bảy) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày 30/3/2024.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Minh L 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày 24/12/2024.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- **Ngày 14/7/2025,** bị cáo Nguyễn Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt;

- **Ngày 21/7/2025,** bị hại Nguyễn Thị T2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Minh L. Ngày 21/8/2025, bị hại Nguyễn Thị T2 có đơn xin rút yêu cầu kháng cáo về việc xin giảm hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Minh L.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

1. Phần xét hỏi:

Bị cáo Nguyễn Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt với các lý do: Bị cáo và gia đình đã có khắc phục bồi thường thiệt hại cho bị hại; sau khi xét xử sơ thẩm bị hại cũng có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt cho bị cáo.

2. Phần tranh luận:

2.1. Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo T và bị hại T2 có kháng cáo đối với phần hình phạt của bị cáo T. Bản án sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự; mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo T là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T không có tình tiết giảm nhẹ mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2.2. Phần tranh tụng của bị cáo Nguyễn Văn T và người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T: Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử bị cáo T là có phần nặng, tài sản bị cáo hiện vẫn còn để giao trả cho bị hại, hậu quả vụ án có thể khắc phục triệt để, xin Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

3. Phần bị cáo T nói lời sau cùng: Trong thời gian tạm giam bị cáo đã ăn năn hối lỗi, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt để bị cáo sớm trở về gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra, kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị cáo Nguyễn Văn T thực hiện việc kháng cáo theo đúng quy định

tại Bộ luật tố tụng hình sự nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Bị hại bà Nguyễn Thị T2 là bị hại đối với hành vi "Cưỡng đoạt tài sản" do bị cáo T thực hiện, do đó bà Nguyễn Thị T2 có quyền kháng cáo về phần hình phạt đối với tội "Cưỡng đoạt tài sản" của bị cáo T; bà T2 thực hiện việc kháng cáo theo đúng quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị T2 về việc xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Minh L: Ngày 21/8/2025, bà T2 đã có đơn xin rút lại yêu cầu kháng cáo này. Mặt khác, bị cáo L bị truy tố, xét xử về tội "Đánh bạc", đối với hành vi này thì bà T2 không phải là bị hại, việc áp dụng hình phạt đối với bị cáo L không phải vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của của bà T2. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Nguyễn Minh L là người đã thành niên và không thuộc trường hợp phải có người đại diện theo pháp luật để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng, nên bà T2 (là mẹ của bị cáo L) không có quyền kháng cáo về phần hình phạt đối với bị cáo L. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo L không có yêu cầu kháng cáo. Do đó, Hội đồng xét xử xác định trong vụ án này không có kháng cáo, kháng nghị đối với phần hình phạt của bị cáo L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án có cở sở xác định:

Ngày 03/02/2023, bị cáo Nguyễn Văn T đến nhà ông Nguyễn Văn L1, bà Nguyễn Thị T2, dùng súng (loại súng bắn vòng đạn pháo để gây tiếng nổ và thuộc đồ chơi nguy hiểm) với mục đích trấn áp tinh thần làm cho ông L1, bà T2 kêu Nguyễn Minh L (con ruột ông L1, bà T2) về trả cho T số tiền 810.000.000 đồng do L nợ tiền đánh bạc thua T. Sau đó T tiếp tục nhiều lần đến nhà ông L1, bà T2 yêu cầu trả tiền cho T hoặc kêu L về trả nợ cho T, làm cho ông L1, bà T2 lo sợ nên buộc phải chuyển nhượng cho T 1.000m² đất chuyên trồng lúa nước tại ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang, trị giá 286.720.000 đồng.

Ngoài ra từ ngày 19/01/2023 đến 20/01/2023, Nguyễn Văn T, Nguyễn Minh L có hành vi đánh bạc hình thức lắc bầu cua thua bằng tiền, mỗi ván từ 20.000 đồng đến 500.000 đồng và từ 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng, tổng số tiền L, T đánh bạc thua bằng tiền là 810.000.000 đồng.

[2.2] Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Minh L là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; các bị cáo nhận thức được hành vi đánh bạc trái phép là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm, bị cáo T nhận thức được việc dùng thủ đoạn uy hiếp tinh thần của các bị hại nhằm nhiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật, nhưng vì hám lợi nên các bị cáo vẫn cố tình thực hiện.

Hành vi đánh bạc trái phép của các bị cáo đã xâm hại đến trật tự an toàn xã hội, đồng thời còn là nguyên nhân làm phát sinh nhiều hành vi vi phạm pháp luật khác; hành vi cưỡng đoạt tài sản của bị cáo T đã uy hiếp tinh thần, xâm hại quyền sở hữu tài sản hợp pháp của các bị hại. Hành vi của các bị cáo không chỉ gây gây thiệt hại về kinh tế, ảnh hưởng đến cuộc sống, hạnh phúc của bản thân,

gia đình các bị cáo, mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương;

[2.3] Với hành vi nêu tại mục [2.1] và nhận định tại mục [2.2], Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 170 và tội "Đánh bạc" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xét xử bị cáo Nguyễn Minh L phạm tội "Đánh bạc" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T, kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị T2 xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn T,

Tòa án cấp sơ thẩm khi lượng hình đã xem xét mức độ thực hiện hành vi phạm tội, xem xét bị cáo T có nhân thân xấu; bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là *"Phạm tội 02 lần trở lên"* quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình khó khăn do các con của bị cáo còn nhỏ không có cha mẹ trực tiếp chăm sóc, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo T 13 (mười ba) năm tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 170 của Bộ luật Hình sự; 04 (bốn) năm tù về tội "Đánh bạc" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật hình sự; Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 17 (mười bảy) năm tù là phù hợp với quy định của pháp luật, tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi do bị cáo thực hiện.

Quá trình tố tụng tại giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T, bị hại T2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T nhưng không cung cấp được tình tiết, chứng cứ mới có cơ sở làm căn cứ giảm nhẹ hình phạt. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T, kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị T2 về việc xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

[4] Về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Minh L:

Tòa án cấp sơ thẩm khi lượng hình đã xem xét mức độ thực hiện hành vi phạm tội, xem xét nhân thân của bị cáo L; bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là *"Phạm tội 02 lần trở lên"* quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; từ đó xét xử bị cáo Nguyễn Minh L 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Đánh bạc" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm xét xử, bị cáo L không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị về phần hình phạt đối với bị cáo L. Đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị T2 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo L, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét như đã nhận định tại mục [1.2].

Mặt khác, quá trình tố tụng tại giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc

thẩm bị cáo L không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm mới, do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo L.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận quan điểm của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh về việc không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T, bị hại bà Nguyễn Thị T2; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2025/HS-ST ngày 08/7/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

[6] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Kiến nghị Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ hành vi của các đối tượng đã tham gia đánh bạc cùng với Nguyễn Văn T, Nguyễn Minh L, làm rõ hành vi của các đối tượng sử dụng nhà, địa điểm thuộc quyền sở hữu hoặc quản lý của mình để Nguyễn Văn T, Nguyễn Minh L cùng các đối tượng khác thực hiện hành vi đánh bạc; nếu có vi phạm thì xử lý theo quy định của pháp luật.

[8] Án phí hình sự phúc thẩm:

Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng.

Bị hại bà Nguyễn Thị T2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T, bị hại bà Nguyễn Thị T2; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2025/HS-ST ngày 08/7/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

1. Tuyên bố Nguyễn Văn T phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” và tội “Đánh bạc"; bị cáo Nguyễn Minh L phạm tội "Đánh bạc"

1.1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 170 và điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50; Điều 55 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 13 (mười ba) năm tù về tội Cưỡng đoạt tài sản và 04 (bốn) năm tù về tội Đánh bạc. Tổng hợp hình phạt bị cáo T phải chấp hành là 17 (mười bảy) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày 30/3/2024.

1.2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Minh L 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày 24/12/2024.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

3. Kiến nghị Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ hành vi của các đối tượng đã tham gia đánh bạc cùng với Nguyễn Văn T, Nguyễn Minh L, làm rõ hành vi của các đối tượng sử dụng nhà, địa điểm thuộc quyền sở hữu hoặc quản lý của mình để Nguyễn Văn T, Nguyễn Minh L cùng các đối tượng khác thực hiện hành vi đánh bạc; nếu có vi phạm thì xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng). Bị hại bà Nguyễn Thị T2 không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và KSXXPT tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Công an tỉnh Đồng Tháp;
- TTG số 2- CA tỉnh Đồng Tháp;
(Tống đạt cho bị cáo (2)
- BH (1);
- Lưu (10) 24b (Án TTKY).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Đức Toàn